TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: **Bùi Khoa Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Nguyễn Thị Kim Trình**
Ông: **Trần Tiến Dũng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Không tham gia xét xử.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và thông báo mở lại phiên tòa số: 37/TB - TA ngày 11 /9/2023 giữa các đương sự giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Dương H, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 2, Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Bị đơn*:** Anh Đinh Công Th, sinh năm 1985.
Chị Đinh Thị V, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Đều ở xóm Chiềng, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Tiến Hưng - SN 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 2, Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023 và bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị Dương H trình bày:

Chị Trương Thị Dương H có cung cấp thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y cho anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V từ năm 2020 đến giữa năm 2021 chị H không cung cấp nữa. Ngày 14/2/2022 hai bên có đối chiếu công nợ, kiêm giấy nhận nợ, tổng số tiền anh Th, chị V còn nợ chị H với số tiền 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), anh Th, chị V hẹn đến

ngày 22/02/2022 sẽ thanh toán số tiền trên, nếu không trả được thì sẽ phải chịu lãi suất 2%/ tháng kể từ ngày 22/02/2022. Đến ngày 18/02/2022 vợ chồng anh Th, chị V đã trả cho anh Nguyễn Tiến Hưng (chồng chị H) số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hiện nay anh Th, chị V còn nợ số tiền 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn). Kể từ ngày 18/02/2022 cho đến nay anh Th, chị V không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Nay chị H yêu cầu anh Th, chị V phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn) và tiền lãi 10%/ năm của số tiền gốc kể từ ngày 22/2/2022 đến khi thanh toán xong số tiền gốc nêu trên.

Bị đơn anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V cùng trình bày:

Gia đình anh chị có 7 chuồng gà, mỗi chuồng nuôi 2.000 con, mỗi năm nuôi 2 lứa gà. Trong quá trình chăn nuôi chị H có cung cấp con giống, thức ăn, thuốc thú y cho gia đình anh chị, tính từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2022 với tổng số tiền là 2.500.000.000đ anh chị đã trả dần, hiện nay còn nợ lại chị H số tiền là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trong giấy nhận nợ kiêm bảng đối chiếu công nợ ghi ngày 14/2/2022 có chữ ký của vợ chồng anh chị số tiền còn nợ chị H là 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) nhưng vào ngày 18/2/2022 vợ chồng anh chị có trả cho anh Hưng chồng chị H số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) hiện tại vợ chồng anh chị còn nợ chị H số tiền 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trong thời gian chăn nuôi do dịch Covit và giá cả trượt giá nên anh chị chưa thanh toán nốt số tiền trên cho chị H.

Nay chị H yêu cầu anh chị trả số tiền gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và tiền lãi 10%/ năm của số tiền gốc kể từ ngày 22/2/2022 đến khi thanh toán số tiền gốc trên, anh chị nhất trí trả số tiền gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) nhưng xin trả dần, có bao nhiêu trả bấy nhiêu, còn số tiền lãi với lãi suất 10%/ năm anh chị không nhất trí trả cho chị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến Hưng trình bày

Từ năm 2020 đến năm 2021 vợ anh là chị Trương Thị Dương H có cung cấp con giống, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y cho gia đình anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V, đến ngày 18/02/2022 anh Th chị V có trả cho gia đình anh số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), anh trực tiếp số tiền này, hiện nay anh Th, chị V còn nợ số tiền 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) nay anh Th, chị V có trách nhiệm trả số tiền trên cho chị H, do bận công việc anh không tham gia phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa được, nên anh xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023 chị Trương Thị Dương H khởi kiện vợ chồng anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V trả cho chị H số tiền 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn) là tiền mua *"thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y"* theo biên bản đối chiếu công nợ kiêm giấy nhận nợ ngày 14/02/2022 là do hai bên thỏa thuận, tự nguyện không bị ép buộc. Tòa án thụ lý vụ án số 33/TB -TLVA ngày 05/6/2023 về quan hệ "*Kiện đòi tài sản*". Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến để giải quyết, thông báo cho đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trước khi mở phiên hòa giải chị H thay đổi số tiền khởi kiện ban đầu là 830.624.000đ, nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết anh Th chị V còn nợ là 795.624.000đ. Tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị H, bị đơn anh Th, chị V đều có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hưng vắng mặt. Tuy nhiên tại phiên hòa giải hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c Khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Kiện đòi tài sản*", vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn.

Vụ án dân sự không thuộc trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 21-BLTTDS do vậy, Kiểm Sát Viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn không tham gia phiên tòa theo qui định.

Trước khi chuẩn bị xét xử nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc đột xuất không tham gia xét xử được nhưng chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Th, chị V trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất như chị đã yêu cầu tại Tòa án. Bị đơn anh Th, chị V có đơn xin vắng mặt vì lý do bận công việc. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. ***Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn*****:**

Bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chiếu công nợ, kiêm giấy nhận nợ của đương sự lập ngày 14/02/2022. Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Trương Thị Dương H cung cấp cùng quan điểm của bị đơn anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V và anh Hưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án đã thể hiện: Từ năm 2020 đến năm 2021 chị Trương Thị Dương H và anh Đinh Công Th cùng vợ là chị Đinh Thị V có thỏa thuận miệng về việc thực hiện giao dịch mua, bán thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y, theo đó chị H là người bán hàng, anh Th, chị V là người mua hàng. Quá trình thực hiện mua, bán hàng hai bên chưa thanh toán xong, nên có ghi sổ theo dõi mua bán sau đó hai bên cùng chốt nợ. Biên bản đối chiếu công nợ, kiêm giấy nhận nợ lập ngày 14/02/2022, thực chất là số tiền anh Th, chị V còn nợ lại chị H trong giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa chị H và anh Th, chị V. Theo nội dung tại biên bản đối chiếu công nợ, kiêm giấy nhận nợ lập ngày 14/02/2022 thì bên cho nợ là chị H, bên nhận nợ là anh Th, chị V đều thống nhất số tiền nợ gốc là 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu

trăm hai mươi bốn nghìn đồng) lãi xuất thỏa thuận là 2%/ 1 tháng, thời hạn trả chậm nhất là ngày 22/02/2022. Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có tại hồ sơ đủ cơ sở để HĐXX kết luận: Biên bản đối chiếu công nợ, kiêm giấy nhận nợ lập ngày 14/02/2022, giữa chị H và anh Th, chị V là giao dịch dân sự hợp pháp. Ngày 18/02/2022 vợ chồng anh Th, chị V đã trả cho anh Hưng chồng chị H số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Số tiền gốc còn nợ là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Từ đó đến nay anh Th, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do anh Th, chị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Th, chị V phải trả cho chị số tiền mua thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) lãi phát sinh theo thỏa thuận được qui định tại Điều 440, Điều 357 – BLDS có căn cứ chấp nhận.

Về phía bị đơn anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V thừa nhận từ năm 2020 đến giữa năm 2021 vợ chồng anh Th, chị V có mua thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y của chị Trương Thị Dương H chưa thanh toán là đúng, do anh chị chưa trả xong cho chị H, nên hai bên đã chốt nợ vào ngày 14/02/2022 bằng giấy nhận nợ có chữ ký của chị H và anh Th, chị V. Tổng số tiền hai vợ chồng anh, chị còn nợ chị H là nợ gốc là 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), thời hạn trả nợ là ngày 22/02/2022 và lãi suất là 2%/ 1 tháng. Đến ngày 18/02/2022, anh Th, chị V đã trả cho anh Hưng chồng chị H số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) số tiền gốc còn nợ chị H là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), do làm ăn thua lỗ anh, chị không có tiền trả cho chị H. Nay anh Th, chị V nhất trí trả cho chị H tiền nợ gốc, tiền lãi suất anh Th, chị V không đồng ý trả theo yêu cầu của chị H.

Anh Hưng xác nhận chị H (vợ anh) là người trực tiếp bán hàng cho vợ chồng anh Th, chị V, do anh Th, chị V chưa trả đủ tiền cho chị H, nên hai bên đã chốt nợ với nhau vào ngày 14/02/2022, số tiền anh Th, chị V còn nợ lại là 830.624.000đ (Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), sau đó anh Th, chị V đã trả số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) anh đã trực tiếp nhận số tiền này, số tiền còn nợ là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Nay anh Th, chị V có trách nhiệm trả cho gia đình anh số tiền trên.

[3]. Về yêu cầu tính lãi của chị H thấy rằng.

Biên bản đối chiếu công nợ kiêm giấy nhận nợ ngày 14/02/2022 chị Trương Thị Dương H và anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V thỏa thuận lãi suất 2%/ 1 tháng đối với số tiền nợ gốc, kể từ ngày 14/02/2022 đến khi thanh toán xong. Tuy nhiên ngày 10/6/2023 chị Trương Thị Dương H có đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi suất (từ 2%/ 1 tháng = 24%/ 1 năm) xuống còn 10%/ năm = 0,83%/ 1 tháng đối với số tiền nợ gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), thời hạn tính lãi kể từ ngày 22/02/2022 đến khi thanh toán xong số tiền trên. HĐXX thấy rằng chị H rút một phần yêu cầu lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận.

[4].Từ những nhận định tại Mục [2] và [3] có đủ cơ sở để HĐXX kết luận: Yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Dương H có căn cứ được chấp nhận.

Buộc anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Trương Thị Dương H toàn bộ số tiền nợ gốc là 795.624.000đ và tiền lãi suất là 0,83%/ 1 tháng, thời điểm tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2023 là 18 tháng 28 ngày: 795.624.000đ x 0,83% x 18 tháng 28 ngày = 125.029.600đ (Một trăm hai mươi triệu không trăm hai chín ngàn sáu trăm đồng) tiền lãi suất ***(Làm tròn số)***

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất anh Th, chị V phải thanh toán cho chị H là 920.653.600đ (Chín trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng); tiền lãi suất là 125.029.600đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai chín ngàn sáu trăm đồng)

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Dương H được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ: Điều 430; Điều 440, Điều 357, Điều 468 - Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Dương H.

Buộc anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Trương Thị Dương H toàn bộ số tiền nợ gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và tiền lãi suất là 0,83%/ 1 tháng. Thời điểm tính lãi từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2023 là 18 tháng 28 ngày cụ thể:

Tiền gốc 795.624.000đ x 0,83% x 18 tháng 28 ngày = 125.029.600đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng) ***(Làm tròn số).***

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V phải thanh toán cho chị Trương Thị Dương H là 920.653.600đ (Chín trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 795.624.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng); tiền lãi suất là 125.029.600đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai chín ngàn sáu trăm đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì ngoài số

tiền phải trả, người phải thi hành án còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sư 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đinh Công Th và chị Đinh Thị V phải chịu 39.619.600đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. ***(Làm tròn số).***

Tiền án phí Dân sự sơ thẩm anh Th và chị V nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Dương H số tiền 18.450.000đ (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0007179 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Thanh Sơn
- UBND xã Địch Quả
- Nguyên đơn, bị đơn
- Người có QLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khoa Hương